

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~2179~~ /BXD-HĐXD

Hà Nội, ngày ~~23~~ tháng 8 năm 2018.

V/v góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ.

Kính gửi:

- Các Bộ chuyên ngành: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- Các Hiệp hội, Hội nghề nghiệp

Ngày 16/7/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 100/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Đến nay, Bộ Xây dựng đã hoàn thiện dự thảo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam để hướng dẫn thực hiện Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

Đề nghị Quý cơ quan góp ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo Thông tư nêu trên và gửi về Bộ Xây dựng *trước ngày 07/9/2018*, để tổng hợp, ban hành theo quy định.

Xin cảm ơn sự đóng góp ý kiến của Quý cơ quan./.

(Gửi kèm dự thảo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà (để b/c);
- Lưu: VT, HĐXD (NLĐ - 03).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Quang Hùng

DỰ THẢO
(Ngày 29/8/2018)

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (sau đây viết là Nghị định số 100/2018/NĐ-CP);

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng,

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc xác định chuyên môn phù hợp và thời gian kinh nghiệm nghề nghiệp xét cấp chứng chỉ hành nghề

Việc xác định chuyên môn được đào tạo và thời gian kinh nghiệm theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP để làm cơ sở xét cấp chứng chỉ hành nghề do Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề xác định và thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Chuyên môn được đào tạo của cá nhân xác định là phù hợp khi chuyên ngành hoặc nội dung chương trình đào tạo của cá nhân đó phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được quy định cụ thể tại Điều 3 Thông tư này.

2. Thời gian kinh nghiệm của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề là tổng thời gian cá nhân chính thức tham gia hoạt động xây dựng thuộc lĩnh vực phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề, tính từ khi cá nhân được cấp bằng công nhận trình độ chuyên môn đã đào tạo phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

3. Đối với cá nhân chưa có đủ thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động xây dựng theo quy định kể từ ngày tốt nghiệp đại học nhưng trước đó đã có bằng cao đẳng hoặc trung cấp và đã tham gia hoạt động xây dựng thì thời gian kinh nghiệm được tính bằng tổng thời gian cá nhân đó tham gia hoạt động xây dựng từ khi tốt nghiệp cao đẳng hoặc trung cấp để xét cấp chứng chỉ hành nghề hạng III.

4. Đối với cá nhân đã làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước thì thời gian và kinh nghiệm là tổng thời gian và kinh nghiệm của cá nhân đó đã tham gia hoạt động xây dựng và đã tham gia thực hiện các công việc quản lý nhà nước có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

Điều 3. Trình độ chuyên môn và thời gian kinh nghiệm

Trên cơ sở nguyên tắc quy định tại Điều 2 Thông tư này và hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề xem xét, đánh giá năng lực thực tế đối với từng lĩnh vực dưới đây để Chủ tịch Hội đồng quyết định, cụ thể:

1. Đối với lĩnh vực hành nghề khảo sát xây dựng

a) Khảo sát địa hình: cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất; trắc địa, bản đồ hoặc chuyên ngành xây dựng, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình.

b) Khảo sát địa chất: cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất, chuyên ngành xây dựng khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất.

2. Đối với lĩnh vực hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng

Cá nhân có trình độ đại học thuộc chuyên ngành kiến trúc; quy hoạch xây dựng; kinh tế đô thị hoặc chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của việc lập đồ án quy hoạch xây dựng, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng.

3. Đối với lĩnh vực thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng

a) Thiết kế kiến trúc công trình:

Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành về kiến trúc, quy hoạch khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế theo quy định

tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế kiến trúc công trình.

b) Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp:

Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.

c) Thiết kế cơ – điện công trình:

Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành cơ – điện công trình, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ – điện công trình.

d) Thiết kế cấp thoát nước công trình:

Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành cấp thoát nước, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế cấp thoát nước công trình.

đ) Thiết kế xây dựng công trình giao thông:

Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình giao thông khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông.

e) Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn:

Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

g) Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật:

Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.

4. Đối với lĩnh vực hành nghề giám sát thi công xây dựng

a) Giám sát công tác xây dựng: cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, kinh tế xây dựng, kiến trúc, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế theo quy định Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình loại đó.

b) Giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình: cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành như điện, cơ khí, thông gió - cấp thoát nhiệt, cấp - thoát nước, thông tin liên lạc công trình xây dựng và các chuyên ngành phù hợp khác, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế theo quy định Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề với nội dung giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình.

5. Đối với lĩnh vực hành nghề định giá xây dựng

Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành kinh tế kỹ thuật, kỹ thuật khác và có thời gian, kinh nghiệm thực hiện các công việc có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng.

6. Đối với lĩnh vực hành nghề quản lý dự án

Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, kinh tế xây dựng và các chuyên ngành kỹ thuật khác có liên quan đến loại dự án, công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực hiện công việc quản lý dự án theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề quản lý dự án tương ứng.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề:

1. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng có các quyền sau:

a) Yêu cầu được cơ quan có thẩm quyền đăng tải công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân theo quy định tại Khoản 37 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

b) Được hành nghề hoạt động xây dựng trên phạm vi toàn quốc theo nội dung và thời gian quy định ghi trên chứng chỉ.

c) Có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện các hành vi vi phạm quy định của pháp luật trong công tác cấp và sử dụng chứng chỉ hành nghề.

d) Gửi các thông tin đính chính khi phát hiện sự nhầm lẫn hoặc điều chỉnh thông tin khi có sự thay đổi theo các quy định khác của pháp luật trong chứng chỉ hành nghề của cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng có nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ các hướng dẫn về việc cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng quy định tại Thông tư này.

b) Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung kê khai trong hồ sơ gửi về cơ quan có thẩm quyền xét cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

c) Bổ sung, cung cấp các tài liệu có liên quan để đối chiếu, kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền xét cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trong trường hợp có nghi vấn về hồ sơ.

d) Hoạt động đúng với lĩnh vực, thời gian đã ghi trên chứng chỉ được cấp, tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

đ) Không được tẩy, xóa, sử chữa chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

e) Không được cho người khác thuê, mượn, sử dụng chứng chỉ hành nghề được cấp;

g) Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;

h) Xuất trình chứng chỉ hành nghề và chấp hành các yêu cầu về thanh tra, kiểm tra khi các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 5. Sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề

1. Hình thức, nội dung thi sát hạch

a) Việc sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề được thực hiện theo hình thức thi trắc nghiệm.

b) Đề sát hạch bao gồm 15 câu hỏi về kiến thức chuyên môn và 10 câu hỏi về kiến thức pháp luật có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được lấy ngẫu nhiên từ bộ câu hỏi trắc nghiệm quy định tại Khoản 4 Điều này. Thời gian sát hạch tối đa là 30 phút.

c) Số Điểm tối đa cho mỗi đề sát hạch là 100 Điểm, trong đó Điểm tối đa cho phần kiến thức chuyên môn là 60 Điểm, Điểm tối đa cho phần kiến thức pháp luật là 40 Điểm. Cá nhân có kết quả sát hạch từ 80 Điểm trở lên mới đạt yêu cầu để xem xét cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Bộ câu hỏi trắc nghiệm và hướng dẫn về cơ sở vật chất phục vụ sát hạch do Bộ Xây dựng ban hành và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng có trách nhiệm ban hành và công khai quy trình cụ thể về công tác sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề.

Điều 6. Đánh giá, cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng

1. Quy định chung:

a) Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực có trách nhiệm đánh giá năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức theo các điều kiện năng lực tương ứng với từng lĩnh vực hoạt động xây dựng được quy định tại Nghị định số 100/2018/NĐ-CP. Tổ chức được cấp chứng chỉ năng lực khi có tất cả các điều kiện được đánh giá là đạt yêu cầu.

b) Tương ứng với từng lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực, tổ chức phải có cá nhân đảm nhận các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Nghị định số 100/2018/NĐ-CP. Mỗi cá nhân thuộc tổ chức có thể đảm nhận một hoặc nhiều chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề khi đáp ứng được điều kiện năng lực theo quy định.

c) Cá nhân tham gia thực hiện công việc thuộc tổ chức được xác định là phù hợp với lĩnh vực, loại hình đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khi có chuyên môn được đào tạo phù hợp để xét cấp chứng chỉ hành nghề với lĩnh vực hoạt động xây dựng tương ứng theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Đánh giá năng lực hoạt động xây dựng

a) Đối với tổ chức khảo sát xây dựng

Tổ chức được xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với lĩnh vực khảo sát xây dựng khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 26 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức kê khai các cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng của một lĩnh vực khảo sát xây dựng theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì chỉ xét cấp chứng chỉ năng lực đối với nội dung khảo sát xây dựng của lĩnh vực đó.

b) Đối với tổ chức lập quy hoạch xây dựng

Tổ chức được xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với lĩnh vực lập quy hoạch xây dựng khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 27 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

c) Đối với tổ chức thiết kế xây dựng công trình

Tổ chức được xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với lĩnh vực thiết kế xây dựng công trình khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 28 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức kê khai các cá nhân đảm nhận chức danh chủ trì đối với một hoặc một số trong các bộ môn của thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì chỉ xét cấp chứng chỉ đối với nội dung thiết kế xây dựng công trình của bộ môn đó.

d) Đối với tổ chức tư vấn quản lý dự án

Tổ chức được xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với lĩnh vực tư vấn quản lý dự án phù hợp với loại công trình khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 30 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

đ) Đối với tổ chức thi công xây dựng công trình

Tổ chức được xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với lĩnh vực thi công xây dựng công trình phù hợp với loại công trình khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 32 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

e) Đối với tổ chức giám sát thi công xây dựng

Tổ chức được xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với lĩnh vực giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 33 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức kê khai các cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng, giám sát viên đối với một lĩnh vực giám sát thi công xây dựng theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP thì chỉ được xét cấp chứng chỉ năng lực đối với lĩnh vực giám sát thi công xây dựng đó.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực quyết định việc cấp chứng chỉ năng lực sau khi có kết quả đánh giá của Hội đồng.

4. Tổ chức nước ngoài không yêu cầu phải có chứng chỉ năng lực theo quy định tại Thông tư này khi hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực

1. Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đăng tải công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức theo quy định tại Khoản 37 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

b) Được hoạt động xây dựng trên phạm vi cả nước theo nội dung quy định được ghi trên chứng chỉ năng lực.

c) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về cấp và sử dụng chứng chỉ năng lực.

d) Gửi thông tin đính chính khi phát hiện sự nhầm lẫn trong chứng chỉ năng lực của tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ các hướng dẫn về việc xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo quy định tại Thông tư này.

b) Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung khai trong hồ sơ gửi về cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

c) Bổ sung, cung cấp các tài liệu có liên quan để đối chiếu, kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng trong trường hợp có nghi vấn về hồ sơ.

d) Hoạt động đúng với lĩnh vực, phạm vi hoạt động ghi trên chứng chỉ năng lực được cấp, tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

đ Không được tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ năng lực.

e) Người đại diện theo pháp luật của tổ chức xuất trình chứng chỉ năng lực và chấp hành các yêu cầu về thanh tra, kiểm tra khi các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

g) Thông báo tới Cơ quan cấp chứng chỉ năng lực khi có những thay đổi liên quan đến năng lực hoạt động xây dựng.

Điều 8. Công khai, gỡ bỏ thông tin năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân, tổ chức

1. Cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 37 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP được đăng tải công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng với các nội dung như sau:

a) Đối với cá nhân: họ và tên, ngày sinh; số chứng chỉ, hạng và lĩnh vực hành nghề, thời hạn hiệu lực của chứng chỉ.

b) Đối với tổ chức: tên của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính; số chứng chỉ năng lực, hạng và lĩnh vực hoạt động, thời hạn hiệu lực của chứng chỉ.

2. Tổ chức, cá nhân bị gỡ bỏ thông tin năng lực hoạt động xây dựng khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

b) Vi phạm pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng.

c) Tham gia hoạt động xây dựng vượt quá điều kiện năng lực.

Điều 9. Quản lý nhà nước về năng lực hoạt động xây dựng

1. Bộ Xây dựng thống nhất quản lý nhà nước về năng lực hoạt động xây dựng bao gồm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra và xử lý vi phạm liên quan đến việc thực hiện Thông tư này trong phạm vi cả nước.

b) Công bố, cập nhật và điều chỉnh bộ câu hỏi trắc nghiệm phục vụ sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề.

d) Quản lý việc cấp Mã số chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng trong phạm vi cả nước.

đ) Quản lý đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng trong phạm vi cả nước.

e) Phân công các cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng thực hiện các nội dung theo quy định của Thông tư này.

2. Bộ Xây dựng giao Cục Quản lý hoạt động xây dựng thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Là Cơ quan đầu mối quản lý Mã số chứng chỉ hành nghề và Mã số chứng chỉ năng lực trong phạm vi cả nước;

b) Cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hạng I và công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng theo quy định; xử lý các vi phạm về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo thẩm quyền.

c) Tổng hợp tình hình cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng trên phạm vi cả nước.

3. Sở Xây dựng các địa phương

a) Thực hiện các quy định về quản lý điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định.

b) Cấp, điều chỉnh, bổ sung, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III và công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng theo quy định.

c) Kiểm tra, thanh tra về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức và cá nhân thuộc địa giới hành chính; xử lý các vi phạm về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo thẩm quyền.

d) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực, đăng tải công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng và tình hình quản lý năng lực hoạt động xây dựng tại địa phương.

4. Tổ chức xã hội nghề nghiệp được công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

a) Thực hiện các quy định về quản lý điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định.

b) Cấp, điều chỉnh, bổ sung, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III và đăng tải công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng theo quy định.

c) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong kiểm tra, thanh tra về năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân; xử lý các vi phạm về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo thẩm quyền.

d) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình cấp chứng chỉ hành nghề, đăng tải công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số quy định quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam

1. Sửa đổi Điều 3 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 14/2016/TT-BXD) như sau:

“Điều 3. Điều kiện để được cấp giấy phép hoạt động xây dựng

Theo quy định tại Khoản 38 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.”

2. Bãi bỏ Điều 10 Thông tư số 14/2016/TT-BXD.

3. Sửa đổi Điều 11 Thông tư số 14/2016/TT-BXD như sau:

“Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu nước ngoài

Nhà thầu nước ngoài khi hoạt động xây dựng tại Việt Nam có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 40 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.”

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 14/2016/TT-BXD như sau:

“1. Chỉ được ký hợp đồng giao nhận thầu khi đã có Giấy phép hoạt động xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn nhà thầu nước ngoài tuân thủ các quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP, Nghị định số 100/2018/NĐ-CP, Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; hỗ trợ nhà thầu nước ngoài trong việc chuẩn bị các tài liệu có liên quan đến công trình nhận thầu mà nhà thầu nước ngoài phải kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thầu và các thủ tục khác có liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Giám sát nhà thầu nước ngoài thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam theo nội dung quy định tại Khoản 38 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.”

Điều 11. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề với trình độ chuyên môn phù hợp theo các quy định trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực nhưng không được quy định tại Thông tư này thì được xem xét nâng hạng, cấp lại chứng chỉ hành nghề đó.

2. Các nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề giám sát lắp đặt thiết bị công trình, giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ theo các quy định trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực được thực hiện giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình theo quy định tại Nghị định số 100/2018/NĐ-CP tương ứng với hạng ghi trên chứng chỉ.

3. Tổ chức đã có ký kết hợp đồng và hoàn thành công việc theo hợp đồng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực trước thời điểm Nghị định số 100/2018/NĐ-CP có hiệu lực thì được sử dụng kinh nghiệm đó để xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2018, thay thế Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Toà án NDTC;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng;
- Sở Xây dựng các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo, Website của CP, Website của Bộ XD;
- Lưu: VT, PC, HĐXD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quang Hùng